TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 337/2025/DS-PT
Ngày 20-6-2025

V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu hủy đăng ký biến động quyền sử dụng đất và yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền.

Các Thẩm phán: Bà Ngô Thị Bích Diệp.

Ông Nguyễn Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Thoại – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 136/2024/TLPT-DS ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu hủy đăng ký biến động quyền sử dụng đất và yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2024/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 237/2025/QĐ-PT, ngày 23 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 285/2025/TB-TA ngày 14 tháng 5 năm 2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 65/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Thanh B, sinh năm 1960; địa chỉ: số D, tổ C, khu phố I, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh B: Ông Phạm Minh T, sinh năm 1980; địa chỉ: số A đường D, khu dân cư C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 11/7/2024); có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Thanh T1, sinh năm 1968; địa chỉ: số F, tổ E, khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Trần Thanh T1: Bà Phạm Thị P, sinh năm 1970; địa chỉ: số F, tổ E, khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 13/01/2021); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị Thanh P1, sinh năm 1951; địa chỉ: số A, Đường số A, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị Thanh P1: Ông Võ Thiên T2, sinh năm 1971; địa chỉ: số A, đường T (đường số A cũ), Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 21/5/2021); vắng mặt.

2. Bà Trần Thị Thanh H, sinh năm 1952; địa chỉ: tổ C, khu phố I, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương; có mặt.

3. Ông Trần Thanh O, sinh năm 1954; địa chỉ: khu phố I, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

4. Ông Trần Thanh D, sinh năm 1955; địa chỉ: số F, đường P, tổ C, khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

5. Ông Trần Thanh S, sinh năm 1956; địa chỉ: số B, đường T, tổ I, khu phố A, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ hiện nay: số I B, khu H, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

6. Ông Trần Thanh C, sinh năm 1960; địa chỉ: tổ E, ấp T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Phước; có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

7. Bà Trần Thị Thanh Y, sinh năm 1964; địa chỉ: số B, tổ A, ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương; có mặt.

8. Bà Phạm Thị P, sinh năm 1970; địa chỉ: số F, tổ E, khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương; có mặt.

9. Chị Trần Thị Thanh T3, sinh năm 2000; địa chỉ: số F, tổ E, khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương; có mặt.

10. Chị Trần Thị Thanh T4, sinh năm 2003; địa chỉ: số F, tổ E, khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của chị Trần Thị Thanh T4: Bà Phạm Thị P, sinh năm 1970; địa chỉ: số F, tổ E, khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27/11/2023); có mặt.

11. Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: khu phố B, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn Đ - Chức vụ: Chủ tịch; có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

12. Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: khu phố E, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Huy L - Chức vụ: Chủ tịch; có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

13. Bà Dương Thị K, sinh năm 1985; địa chỉ: hẻm F, đường P, tổ E, khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

14. Bà Huỳnh Thị Thanh D1, sinh năm 1983; địa chỉ: tổ C, khu phố I, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Trần Thị Thanh B; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thanh H, ông Trần Thanh O, ông Trần Thanh D, bà Trần Thị Thanh Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh B trình bày:

Lúc sinh thời, cha mẹ bà Trần Thị Thanh B có tạo lập được khối tài sản là quyền sử dụng đất có diện tích 6.059m^2, thuộc thửa đất số 149, tờ bản đồ số 45, tọa lạc tại khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương, được Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 525383, số vào sổ H03139 cho cụ Trần Thanh S1 vào ngày 29/12/2006.

Sau khi cụ S1 chết, bà B mới biết được cụ S1 có để lại di chúc được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 27/10/2009, trong di chúc có nội dung: Thửa đất số 149 được phân chia thành 04 phần: 01 phần dự định bán khi cụ S1 chết, 01 phần cho các anh, chị, em thừa hưởng, 01 phần nhà và đất cho cháu T3 và cháu T4 là con của ông Trần Thanh T1 và bà Phạm Thị P và 01 phần còn lại dự định khi cụ S1 còn sống sẽ bán. Sau đó, ngày 17/7/2012, cụ S1 lập Văn bản về việc thay đổi, bổ sung di chúc được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 17/7/2012 truất quyền thừa kế của bà B và em bà là bà Trần Thị Thanh Y. Phần đất thừa kế của bà B, cụ S1 để lại cho anh trai là Trần Thanh D thừa hưởng, phần đất còn lại của em gái là bà Trần Thị Thanh Y, cụ S1 để lại cho ông Trần Thanh T1 được hưởng.

Ngày 06/4/2013, cụ S1 tiếp tục lập Văn bản về việc thay đổi di chúc được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 08/4/2013 truất quyền thừa kế của anh trai là ông Trần Thanh D và giao phần thừa kế của ông D cho bà Phạm Thị P được hưởng.

Thời điểm cụ S1 để lại di chúc thì cụ đã 82 tuổi, sức khỏe rất yếu do lúc còn trẻ cụ S1 phải cắt bỏ túi mật, không đi lại được vì 02 mắt của cụ không nhìn thấy ánh sáng từ khoảng năm 2007. Năm 2008, do mổ cườm mắt không thành công, tinh thần, sức khỏe của cụ S1 không còn minh mẫn, sáng suốt và dễ bị người khác kích động, điều này được thể hiện qua việc lập di chúc, sau đó sửa đổi, bổ sung di chúc nhiều lần. Thời điểm cụ S1 sửa di chúc năm 2012 và năm 2013 thì

cụ đã 86 tuổi, sức khỏe rất kém, mắt không nhìn thấy, không đi, đứng, ngồi, không tự vệ sinh cá nhân được… Thời điểm này, cụ S1 là người hạn chế về thể chất, không còn minh mẫn, sáng suốt như trong bản di chúc và các văn bản sửa đổi, bổ sung di chúc đã nêu.

Bà B tìm hiểu và được biết tại khoản 3 Điều 352 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: *"Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ phải được người làm chứng lập thành văn bản và có công chứng hoặc chứng thực"*. Tuy nhiên, di chúc và các văn bản sửa đổi, bổ sung di chúc của cụ S1 đều không có người làm chứng khi lập, cụ S1 không ký tên, điểm chỉ vào trang số 1 của bản di chúc như quy định tại khoản 2 Điều 653 của Bộ luật Dân sự năm 2005 là trái với quy định pháp luật nên di chúc không hợp pháp. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà B phát hiện thêm việc cụ Trần Thanh S1 có lập văn bản về việc sửa đổi, bổ sung di chúc ngày 01/4/2013 được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 01/4/2013, có nội dung truất quyền thừa kế của ông Trần Thanh D, giao phần thừa kế cho bà Phạm Thị P. Ngày 11/01/2022, bà B có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu "Văn bản về việc sửa đổi, bổ sung di chúc ngày 01/4/2013 được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 01/4/2013".

Nay nguyên đơn bà Trần Thị Thanh B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu đối với: Di chúc do cụ S1 cụ Trần Thanh S1 viết ngày 27/10/2009, được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 27/10/2009; Văn bản về việc thay đổi, bổ sung di chúc do cụ Trần Thanh S1 viết ngày 17/7/2012, được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 17/7/2012; Văn bản về việc thay đổi, bổ sung di chúc cho cụ Trần Thanh S1 viết ngày 01/4/2013, được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 01/4/2013; Văn bản thay đổi di chúc do cụ Trần Thanh S1 viết ngày 06/4/2013, được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 08/4/2013;

- Yêu cầu hủy cập nhật biến động quyền sử dụng đất ngày 10/11/2014 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện P, tỉnh Bình Dương đối với thửa đất số 149, tờ bản đồ số 45, diện tích 6.059m^2, tọa lạc tại khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương;

- Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng đất diện tích 6.059m^2, thửa đất số 149, tờ bản đồ số 45, tọa lạc tại khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh C yêu cầu Toà án giải quyết: Công nhận di chúc do cụ Trần Thanh S1 lập ngày 27/10/2009, được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 27/10/2009; công nhận Văn bản về việc thay đổi, bổ sung di chúc do cụ Trần Thanh S1 lập ngày 17/7/2012, được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 17/7/2012; công nhận Văn bản về việc thay đổi di chúc do cụ Trần Thanh S1 lập ngày 06/4/2013, được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 08/4/2013. Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh C, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh B là ông Phạm Minh T trình bày:

Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn và trình bày bổ sung: Giấy khám sức khoẻ của cụ Trần Thanh S1 thể hiện cả 02 mắt bị đục thuỷ tinh thể, không nhìn thấy nhưng di chúc và văn bản thay đổi, bổ sung di chúc không có người làm chứng là vi phạm khoản 2 Điều 658 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 8 của Nghị định số 75/2000/NĐ-CP của Chính phủ. Văn bản về việc thay đổi, bổ sung di chúc ngày 17/7/2012, ngày 06/4/2013 được lập tại nhà cụ S1 nhưng lại được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực là vi phạm khoản 1 Điều 658 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 9 của Nghị định số 75/2000/NĐ-CP của Chính phủ. Ngoài ra, Văn bản về việc thay đổi, bổ sung di chúc lập ngày 06/4/2013 nhưng đến ngày 08/4/2013 mới được chứng thực là không đúng quy định pháp luật. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Theo bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Trần Thanh T1, bà Phạm Thị P trình bày:

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh B: Trong đơn khởi kiện ngày 18/11/2020, nguyên đơn Trần Thị Thanh B có yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Thứ nhất, hủy bỏ: Di chúc do cụ Trần Thanh S1 viết ngày 27/10/2009, được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 27/10/2009; Văn bản thay đổi, bổ sung di chúc do cụ Trần Thanh S1 viết ngày 17/7/2012, được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 17/7/2012; Văn bản thay đổi di chúc do cụ Trần Thanh S1 viết ngày 06/4/2013, được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 08/4/2013; cập nhật biến động quyền sử dụng đất ngày 10/11/2014, thừa kế cho chị Trần Thị Thanh T4, chị Trần Thị Thanh T3, ông Trần Thanh O, ông Trần Thanh T1 và bà Phạm Thị P.

- Thứ hai, chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất có diện tích 6.059m^2, tọa lạc tại khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương cho các đồng thừa kế của cụ Trần Thanh S1 mỗi người được 673,2m^2.

Lý do mà nguyên đơn đưa ra là tại thời điểm lập di chúc, cụ S1 mắt không nhìn thấy ánh sáng, không đi lại được, không tự vệ sinh được … Thời điểm này, cụ S1 là người bị hạn chế về thể chất, không còn minh mẫn, sáng suốt nên lập di chúc rồi sửa đổi nhiều lần. Trước các yêu cầu và lý do mà nguyên đơn trình bày, ông T1 không đồng ý bởi các lý do sau:

* Đối với yêu cầu hủy bỏ di chúc và các văn bản sửa đổi, bổ sung di chúc:

+ Thứ nhất: Bà Phạm Thị P là con dâu út của cụ Trần Thanh S1. Bà P và chồng là ông Trần Thanh T1, là người sống chung cùng cụ S1, là người chăm sóc, phụng dưỡng cụ S1 cho đến khi cụ S1 chết. Năm 2012, cụ S1 bị bệnh về đường tiểu, phải nhập viện điều trị bệnh. Sau khi được trở về, việc đi lại của cụ S1 yếu hơn so với người thường. Tuy nhiên, cụ S1 vẫn tự đi lại bằng cách vịn tay vào các vật hỗ trợ hoặc vật dụng trong nhà. Trong suốt thời gian này, chỉ có các thành viên

trong gia đình ông T1 là người chăm sóc, phụng dưỡng cho cụ S1. Những người con ruột của cụ S1 đặc biệt là bà Trần Thị Thanh B, bà Trần Thị Thanh Y và ông Trần Thanh D đã không có hiếu với cụ S1, không chăm sóc cụ S1, còn dùng nhiều lời lẽ chửi bới khiến cụ S1 tức giận, bức xúc. Việc cụ S1 lập di chúc là tự ý chí của cụ S1, cả gia đình ông T1 không can thiệp đến các lần cụ S1 lập hay cụ S1 sửa. Cụ S1 là người tự mình quyết định việc lập di chúc mà không hỏi ý kiến của bất cứ người con nào. Cụ S1 là người định đoạt toàn bộ nội dung theo di chúc mà cụ đã phân định. Khi cụ S1 sắp chết, cụ S1 chỉ cho ông T1 nơi cụ cất giữ di chúc và hướng dẫn ông T1 sau khi cụ S1 chết thì hưởng tài sản theo di chúc mà cụ để lại. Vì vậy, nguyên đơn trình bày cụ S1 già cả, dễ bị kích động là không có căn cứ.

+ Thứ hai: Năm 2012, sau khi nằm bệnh viện để điều trị bệnh liên quan đến đường tiểu, cụ S1 đi lại khó khăn hơn so với trước đây, nhưng cụ vẫn đi lại được, ngồi được, quan trọng hơn là tinh thần cụ rất minh mẫn, sáng suốt cho đến khi cụ trút hơi thở cuối cùng. Vì thế, việc nguyên đơn cho rằng, cụ S1 không nhìn thấy, không đi, đứng, ngồi, không tự vệ sinh cá nhân được là cảm tính của nguyên đơn, bởi nguyên đơn không đến thăm cụ S1 trong suốt thời gian dài trước khi cụ chết, nguyên đơn chưa chăm sóc cụ S1 bất cứ ngày nào kể từ khi cụ từ bệnh viện trở về.

+ Thứ ba: Bà B trình bày việc cụ S1 thường xuyên thay đổi di chúc theo nguyên đơn là vì cụ già, không minh mẫn, dễ bị kích động là phiến diện. Việc cụ S1 thay đổi nội dung di chúc, lấy của người này giao cho người kia, nêu rõ lý do cụ truất quyền thừa kế chứng tỏ cụ S1 rất minh mẫn, rất sáng suốt và quyết đoán.

Lý do cụ S1 truất quyền nêu rõ trong di chúc cũng đã nói lên sự bất hiếu của nguyên đơn đối với cụ S1. Việc truất quyền thừa kế cũng có thể do các sự việc phát sinh khi cụ S1 còn sống như: Năm 2010, khi bà Trần Thị Thanh B và bà Trần Thị Thanh Y có hành vi chửi bới cụ S1, sau đó tự mình nói rõ là từ cụ S1, nên khi cụ bị bệnh, các bà không thăm hay chăm sóc cụ và càng không phụ tiền để gia đình ông T1 chăm sóc cụ S1. Còn ông D bị truất quyền thừa kế do không chăm sóc, không phụng dưỡng cụ S1 mà mỗi lần về chỉ quan tâm đến sổ đỏ, di chúc của cụ S1. Bản thân ông T1, bà P là người chăm sóc cụ S1 từ khi cụ đi lại khó khăn hơn nên có thể vì thế, cụ mới chuyển phần thừa kế từ con ruột sang cho bà P.

+ Thứ tư: Di chúc cụ S1 lập là do cụ tự thực hiện tại Ủy ban nhân dân thị trấn P. Tại thời điểm cụ S1 lập di chúc, cụ S1 minh mẫn (theo giấy khám sức khỏe). Nội dung di chúc không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, di chúc có Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực. Vì thế, bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện, yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn.

* Về yêu cầu hủy đăng ký biến động đối với các quyền sử dụng đất của ông T1, bà P, bà T3, bà T4.

Căn cứ vào di chúc của cụ S1, sau khi cụ S1 chết, bà P và ông T1 có mời những người có tên trong di chúc về để nhận phần tài sản cụ S1 để lại. Tuy nhiên,

có người đã thực hiện nhận, có người chưa nhận. Việc bà P, ông T1, bà T3, bà T4 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các phần cụ S1 lập theo di chúc là tuân theo quy trình, thủ tục do pháp luật quy định. Vì vậy, bị đơn yêu cầu Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần yêu cầu hủy đăng ký biến động.

* Đối với yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số 149 theo quy định của pháp luật thì bà có ý kiến như sau: Di chúc của cụ S1 lập và sửa đổi 02 lần đều tuân thủ quy định của pháp luật, là di chúc hợp pháp. Theo lý do mà cụ S1 truất thừa kế của bà B, bà Y, ông D cũng đã thể hiện sự bất hiếu, trái đạo đức của các ông bà đối với cụ S1 khi ông còn sống. Vì vậy, bị đơn yêu cầu Tòa án công nhận di chúc cụ Trần Thanh S1 lập là hợp pháp và bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc phân chia di sản thừa kế theo pháp luật.

* Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh C yêu cầu Tòa án giải quyết: Công nhận di chúc do cụ Trần Thanh S1 lập ngày 27/10/2009, được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 27/10/2009; công nhận Văn bản về việc thay đổi, bổ sung di chúc do cụ Trần Thanh S1 lập ngày 17/7/2012, được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 17/7/2012; công nhận Văn bản về việc thay đổi di chúc do cụ Trần Thanh S1 lập ngày 06/4/2013, được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 08/4/2013. Bị đơn đồng ý và thống nhất với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh C.

3. Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thanh P1 là ông Võ Thiên T2 trình bày:

Khi cụ Trần Thanh S1 lập di chúc không có nhân chứng chứng kiến. Thời điểm đó, cụ S1 bị mù. Ông T2 cho rằng việc lập di chúc không hợp pháp. Đề nghị Viện kiểm sát tiến hành xác minh làm rõ sự việc. Ông T2 thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông không bổ sung ý kiến gì thêm, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Theo bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thanh H trình bày:

Việc cha của bà H là cụ Trần Thanh S1 lập di chúc nhưng không có mặt đầy đủ các con trong gia đình, ngoại trừ vợ chồng ông Trần Thanh T1 và bà Phạm Thị P là không đúng quy định. Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà H thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà không bổ sung ý kiến gì thêm.

5. Theo bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh O trình bày:

Việc cha của ông Trần Thanh O là cụ Trần Thanh S1 lập di chúc nhưng không có mặt đầy đủ các con trong gia đình để chứng kiến việc lập di chúc là sai,

đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông O thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông O không bổ sung ý kiến gì thêm.

6. Theo bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh D trình bày:

Nội dung bản di chúc không có thống nhất với nhau, về năm sinh cụ S1 sinh năm 1926 (không phải sinh năm 1927 như trong di chúc). Cụ S1 bị mù từ lâu. Thời điểm cụ S1 lập di chúc phải công bố nội dung di chúc cho các con trong gia đình. Tuy nhiên, anh em của ông không được biết đến. Khoảng mấy năm sau đó, lần lượt tách sổ cho những người được thừa kế trong di chúc. Ban đầu truất quyền thừa kế của hai người em sang cho ông, sau đó truất quyền thừa kế của ông sang cho ông T1 và bà P. Ông không đồng ý với nội dung di chúc. Ông D thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông D không bổ sung ý kiến gì thêm.

7. Theo bản tự khai, biên bản hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh S trình bày:

Yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của cụ Trần Thanh S1 theo quy định của pháp luật. Ông S thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông S không bổ sung ý kiến gì thêm.

8. Theo đơn yêu cầu độc lập, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh C trình bày:

Trước các yêu cầu khởi kiện và lý do mà nguyên đơn trình bày ông C không đồng ý bởi các lý do sau:

+ Thứ nhất: Tại thời điểm lập di chúc, cụ S1 rất minh mẫn, sáng suốt, không bị hạn chế về thể chất. Việc lập di chúc và chia phần cho các con của ông trong đó có ông thì ông hoàn toàn không biết, không can thiệp gì về việc cụ S1 lập di chúc. Cho đến khi cụ S1 chết, ông mới được bà P, ông T1 thông báo về việc cụ S1 có để lại cho ông một phần di sản trong di chúc của ông. Tuy nhiên, do ở quá xa, lại không có thời gian nên đến nay, ông vẫn chưa thực hiện việc khai nhận di sản thừa kế này. Lần cuối ông gặp cụ S1 là vào năm 2012, khi ông về đám giỗ mẹ. Tại thời điểm này, tinh thần của cụ S1 vẫn rất minh mẫn. Cụ S1 vẫn nói chuyện với ông C bình thường. Ông C không thấy cụ S1 có bất cứ sự nhầm lẫn nào.

+ Thứ hai: Nội dung di chúc, sửa đổi di chúc mà cụ S1 lập không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức phân chia, để lại di sản đều theo ý chí của cụ S1.

+ Thứ ba: Tại thời điểm lập di chúc, cụ S1 có đầy đủ năng lực và hành vi dân sự, cụ S1 có quyền tự định đoạt tài sản theo ý chí của cụ S1. Việc cụ S1 lập di chúc, sửa đổi di chúc, truất quyền thừa kế của người này, người kia cũng thể hiện rõ thái độ, tinh thần minh mẫn của cụ S1 trong việc cụ lập di chúc. Vì thế, ông C có cơ sở tin chắc rằng, mọi nội dung di chúc đều là sự tự định đoạt, là ý chí

của cụ S1. Do ông C ở xa nên hoàn toàn không biết các anh chị và cụ S1 có những khúc mắc, mâu thuẫn gì trong quá trình cụ S1 còn sống. Nhưng ông C tin tưởng và tôn trọng ý chí, nguyện vọng của cụ S1 theo di chúc của cụ S1 để lại và đồng ý nhận phần di sản mà cụ S1 định đoạt cho ông C. Vì thế, ông C đề nghị Tòa án xem xét bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện và khởi kiện bổ sung của bà Trần Thị Thanh B.

* Đối với yêu cầu độc lập: Tại thời điểm lập di chúc, cụ Trần Thanh S1 lập trên tinh thần tự nguyện, minh mẫn, không vi phạm đạo đức, không vi phạm pháp luật, trên cơ sở nội dung di chúc thì ông C cũng đã tiến hành làm thủ tục để được hưởng di sản là phần đất có diện tích 200m^2, thuộc một phần thửa đất 149, tờ bản đồ số 45, tọa lạc tại khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương nhưng do có tranh chấp nên đến nay ông C vẫn chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Vì thế, ông C có yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau đây: Công nhận di chúc do cụ Trần Thanh S1 lập ngày 27/10/2009, được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 27/10/2009; công nhận Văn bản thay đổi, bổ sung di chúc do cụ Trần Thanh S1 lập ngày 17/7/2012, được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 17/7/2012; công nhận việc thay đổi di chúc do cụ Trần Thanh S1 lập ngày 06/4/2013, được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 08/4/2013;

9. Theo bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thanh Y trình bày:

Bà Y thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Y không bổ sung ý kiến gì thêm.

10. Theo bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị P trình bày:

Bà Phạm Thị P thống nhất với ý kiến của người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn và không bổ sung ý kiến gì thêm.

11. Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Thanh T3 trình bày:

Thống nhất với ý kiến của người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn, không bổ sung ý kiến gì thêm.

12. Theo bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thanh T4 là bà Phạm Thị P trình bày:

Bà T4 không đồng ý trước các yêu cầu khởi kiện và lý do mà nguyên đơn trình bày, bởi các lý do sau: Thời điểm cụ S1 lập di chúc, chị T4 còn nhỏ tuổi nên không biết. Nhưng quá trình ông nội đang sống, mẹ chị T4 là người chăm sóc, phụng dưỡng cụ S1, chị T4 cũng không thấy mẹ chửi bới hay đánh cụ S1. Khi cụ

S1 bệnh nặng sắp chết, mẹ chị T4 là người phải lo toàn bộ mọi việc chăm sóc cụ S1. Chị T4 không thấy những người con khác của cụ S1 đến chăm sóc mà chỉ đến chửi bới cụ S1 hay chửi bới mẹ chị T4. Sau khi cụ S1 chết, căn cứ vào di chúc gia đình chị T4 đã thực hiện thủ tục nhận di sản của cụ S1 theo ý chí của cụ. Quá trình thực hiện thủ tục do mẹ chị T4 thực hiện. Nhận thấy, việc cụ S1 lập di chúc để lại cho mẹ chị T4 và chị em chị T4 thể hiện cụ S1 rất công bằng, công tâm, ai chăm sóc cụ thì cụ để lại tài sản, ai bất hiếu thì cụ truất quyền. Gia đình chị T4 nhận phần cụ S1 để lại là theo ý chí của cụ. Việc gia đình chị T4 nhận tài sản cụ S1 để lại là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với đạo đức. Vì vậy, chị T4 yêu cầu Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận di chúc cụ Trần Thanh S1 lập là hợp pháp.

13. Theo Công văn số 101/UBND ngày 26 tháng 8 năm 2022 và Công văn số 34/UBND ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương, người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân thị trấn P trình bày:

Về trình tự, thủ tục lập di chúc của cụ Trần Thanh S1 đúng theo quy định của pháp luật. Tình trạng sức khoẻ của cụ Trần Thanh S1 minh mẫn, đầy đủ năng lực hành vi dân sự đủ điều kiện lập di chúc theo quy định của pháp luật tại thời điểm lập các văn bản di chúc sau: Di chúc do cụ Trần Thanh S1 lập ngày 27/10/2009, được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 27/10/2009; Văn bản về việc thay đổi, bổ sung di chúc do cụ Trần Thanh S1 lập ngày 17/7/2012, được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 17/7/2012; Văn bản về việc thay đổi di chúc do cụ Trần Thanh S1 lập ngày 06/4/2013, được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 08/4/2013. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện P giải quyết theo quy định của pháp luật.

14. Theo Công văn số 674/UBND-TNMT ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương, người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện P trình bày:

Vì lý do bận công tác, không thể tham dự các phiên hòa giải, đối thoại và xét xử, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

15. Theo Biên bản lấy lời kha, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị K trình bày:

Bà Dương Thị K không có mối quan hệ họ hàng gì với ông Trần Thanh T1 và bà Phạm Thị P. Năm 2018, bà K có nhận chuyển nhượng từ ông Trần Thanh T1 một phần đất có diện tích 200m^2 thuộc thửa đất 344, tờ bản đồ số 45 được cập nhật biến động theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 113157, số vào sổ cấp GCN: CH03535 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 05/11/2014 cho ông Trần Thanh T1 đối với thửa đất số 344, tờ bản đồ số 45, diện tích 200m^2 tọa lạc tại khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Ngày 17/8/2018, cập nhật chuyển nhượng cho bà Dương Thị K. Hiện tại, bà K đã chuyển hộ khẩu về tổ E, khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương, phần đất này do bà K quản lý sử dụng. Việc bà K nhận chuyển

nhượng đất từ ông Trần Thanh T1 là đúng pháp luật, bà K đã thực hiện đầy đủ thủ tục và nộp thuế đầy đủ cho Nhà nước. Bà K không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, bà K không có yêu cầu độc lập và bận đi làm nên bà xin được vắng mặt tất cả các buổi làm việc của Tòa án kể cả khi đưa vụ án ra xét xử.

16. Theo Biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Thanh D1 trình bày:

Bà Huỳnh Thị Thanh D1 là con ruột của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh B, còn bị đơn ông Trần Thanh T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh O là cậu ruột của bà. Đối với phần đất có diện tích 200m^2 thuộc thửa đất số 342, tờ bản đồ số 45 toạ lạc tại khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương, bà D1 nhận chuyển nhượng từ ông Trần Thanh O vào khoảng cuối năm 2020 với giá 200.000.000 đồng. Bà Đ1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT113162, số vào sổ cấp GCN CH03540, đất được Ủy ban nhân dân huyện P cấp vào ngày 05/11/2014 cho ông Trần Thanh O, đến ngày 28/10/2020, cập nhận chuyển nhượng cho bà Huỳnh Thị Thanh D1. Hiện tại, thửa đất số 342, tờ bản đồ số 45 tọa lạc tại khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương do bà đang quản lý, sử dụng và không có bất kỳ tài sản gì, công trình hay cây trồng gì khác. Bà D1 thống nhất với ý kiến của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh B, đồng ý hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT113162, số vào sổ cấp GCN CH03540, đất được Ủy ban nhân dân huyện P cấp vào ngày 05/11/2014 cho ông Trần Thanh O, huỷ cập nhật biến động từ ông Trần Thanh O sang cho bà Huỳnh Thị Thanh D1. Ngoài ra, bà không có yêu cầu độc lập và do bận đi làm nên bà D1 xin được vắng mặt tất cả các buổi làm việc của Toà án, kể cả khi vụ án đưa ra xét xử. Đối với phần đất bà D1 đã nhận chuyển nhượng từ ông Trần Thanh O, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và không có yêu cầu gì thêm.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2024/DS-ST ngày 06/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh B đối với bị đơn ông Trần Thanh T1 về việc "Tranh chấp di sản thừa kế, yêu cầu hủy đăng ký biến động quyền sử dụng đất, yêu cầu tuyên bố văn bản vô hiệu".

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh C.

2.1. Công nhận Di chúc do cụ Trần Thanh S1 lập ngày 27/10/2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P được Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương chứng thực ngày 27/10/2009; số chứng thực: 13, quyển số 01/2009 TP/CC-SCT/HĐGD là hợp pháp.

2.2. Công nhận Văn bản về việc thay đổi, bổ sung di chúc do cụ Trần Thanh S1 lập ngày 17/7/2012 tại khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương được

Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương chứng thực ngày 17/7/2012; số chứng thực: 17, quyển số 01/2012 TP/CC-SCT/HĐGD là hợp pháp.

2.3. Công nhận Văn bản về việc thay đổi di chúc do cụ Trần Thanh S1 lập ngày 06/4/2013 tại nhà số F, tổ E, khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương, được Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương chứng thực ngày 08/4/2013; số chứng thực: 17, quyển số 01/2013 TP/CC-SCT/HĐGD là hợp pháp.

3. Những người được hưởng di sản thừa kế theo di chúc của cụ Trần Thanh S1 có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục nhận di sản thừa kế theo di chúc theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, về chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 19/9/2024 nguyên đơn bà Trần Thị Thanh B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thanh H, ông Trần Thanh O, ông Trần Thanh D, bà Trần Thị Thanh Y có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn do ông Phạm Minh T đại diện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đại diện bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* *Nguyên đơn do ông Phạm Minh T đại diện trình bày:* Tại giấy khám sức khỏe của cụ Trần Thanh S1 thể hiện tại phần khám Mắt ghi nhận cụ S1 bị đục thủy tinh thể 02 mắt và kết luận của bác sĩ ghi là không nhìn thấy. Căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 658 của Bộ Luật Dân sự năm 2005 quy định về thủ tục lập di chúc tại cơ quan công chứng hoặc ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thì: Trường hợp người lập di chúc không đọc được bản di chúc thì phải nhờ người làm chứng và người này phải ký xác nhận trước mặt công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn. Công chứng viên, người có thẩm quyền chứng thực của ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chứng nhận bản di chúc trước mặt người lập di chúc và người làm chứng. Căn cứ Điều 8 Nghị định 75/2000/NĐ-CP của Chính phủ về Công chứng, chứng thực quy định về người làm chứng thì: Trường hợp pháp luật quy định việc công chứng, chứng thực phải có người làm chứng hoặc trong trường hợp pháp luật không quy định phải có người làm chứng, nhưng người yêu cầu công chứng, chứng thực không đọc, không nghe, không ký hoặc không điểm chỉ được, thì phải có người làm chứng. Tuy nhiên, Di chúc ngày 27/10/2009 của cụ S1 do Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương chứng thực ngày 27/10/2009; Văn bản về việc thay đổi, bổ sung di chúc ngày 17/7/2012 do Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 17/7/2012; Văn bản thay đổi di chúc ngày 06/4/2013 do Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 08/4/2013 không thể hiện người có thẩm quyền chứng thực là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn P có ghi nhận chứng thực việc cụ S1 không nhìn thấy và cũng không có người làm chứng theo quy định viện dẫn nêu.

Văn bản về việc thay đổi, bổ sung di chúc ngày 17/7/2012 do Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 17/7/2012; Văn bản thay đổi di chúc ngày 06/4/2013 do Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 08/4/2013 thể hiện việc lập 02 văn bản thay đổi di chúc này là lập tại nhà 60/23, tổ E, khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương nhưng lại được người có thẩm quyền chứng thực là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực tại Ủy ban nhân dân thị trấn P. Tại Điều 658 Bộ Luật Dân sự năm 2005 không cho phép người có thẩm quyền chứng thực đến tại nhà để lập di chúc cho cụ S1 và cũng không có chứng cứ, tài liệu nào chứng minh rằng người có thẩm quyền chứng thực là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn P khi chứng thực Văn bản về việc thay đổi, bổ sung di chúc ngày 17/7/2012; Văn bản thay đổi di chúc ngày 06/4/2013 có mặt cụ S1 để kiểm tra năng thực hành vi dân sự, thể chất của cụ S1 như lời chứng thực của 02 văn bản này. Ngoài ra, Văn bản thay đổi di chúc ngày 06/4/2013 được lập tại nhà số F, tổ E, khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương vào ngày 06/4/2023 nhưng 02 ngày sau là ngày 08/4/2023 thì văn bản mới được người có thẩm quyền chứng thực là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực vào Văn bản.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 658 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về di chúc hợp pháp thì: Người lập di chúc minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc; không bị lừa dối, đe doạ hoặc cưỡng ép; nội dung di chúc không trái pháp luật, đạo đức xã hội; hình thức di chúc không trái quy định của pháp luật. Như vậy, theo như nội dung đã phân tích nêu trên thì hình thức di chúc là hoàn toàn trái pháp luật (không có người làm chứng), không biết được người lập di chúc có minh mẫn, sáng suốt trong khi lập văn bản thay đổi di chúc hay không; không biết được người lập di chúc có không bị lừa dối, đe doạ hoặc cưỡng ép khi lập văn bản thay đổi di chúc hay không do tại thời điểm này cụ S1 lớn tuổi, mắt không nình thấy, cuộc sống lệ thuộc toàn bộ vào người khác. Vì vậy, Di chúc ngày 27/10/2009 do Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương chứng thực ngày 27/10/2009; Văn bản về việc thay đổi, bổ sung di chúc ngày 17/7/2012 do Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 17/7/2012; Văn bản thay đổi di chúc ngày 06/4/2013 do Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 08/4/2013 là không hợp pháp. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên vô hiệu đối với Di chúc ngày 27/10/2009 do Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương chứng thực ngày 27/10/2009; Văn bản về việc thay đổi, bổ sung di chúc ngày 17/7/2012 do Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 17/7/2012; Văn bản thay đổi di chúc ngày 06/4/2013 do Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 08/4/2013 với lý do di chúc, văn bản về việc thay đổ, bổ sung di chúc và văn bản thay đổi di chúc không hợp pháp; yêu cầu hủy cập nhật biến động quyền sử dụng đất ngày 10/11/2014 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện P, tỉnh Bình Dương đối với thửa đất số 149; chia thừa kế là diện tích đất theo kết quả đo đạc thực tế là 6.456,3m^2 thuộc các thửa đất số 149, 341, 342, 343, 344, 345, 346, 347, 348, tờ bản đồ số 45 tại tọa lạc tại khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương cho

các đồng thừa kế; trường hợp diện tích đất không đủ điều kiện tách thửa thì công nhận quyền sử dụng chung cho các đồng thừa kế đối với diện tích đất trên.

** Người đại diện hợp pháp của bị đơn, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị P trình bày:*

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, Toà án nhân dân huyện P đã xét xử vụ án "tranh chấp phân chia di sản thừa kế, yêu cầu tuyên bố văn bản vô hiệu, yêu cầu hủy đăng ký biến động quyền sử dụng đất" giữa nguyên đơn bà Trần Thị Thanh B với bị đơn ông Trần Thanh T1. Theo đó Toà án nhân dân huyện P đã tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh B đối với ông Trần Thanh T1 về việc tranh chấp "phân chia di sản thừa kế, yêu cầu tuyên bố văn bản vô hiệu, yêu cầu hủy đăng ký biến động quyền sử dụng đất"; chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh C.

Phía nguyên đơn đã kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện P. Ngày 30/5/2025, Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có đưa ra ý kiến về việc Giấy khám sức khoẻ của ông Trần Thanh S2 không có số hiệu, không có chữ ký của ông S2. Vậy tôi trình bày ý kiến về vấn đề này như sau: Thứ nhất: Căn cứ quy định của Bộ luật dân sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 có quy định như sau:

Tại Điều 624, Di chúc.

"Di chúc là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết.

Tại khoản 1, Điều 625: Người lập di chúc.

"1. Người thành niên có đủ điều kiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 630 của Bộ luật này có quyền lập di chúc để định đoạt tài sản của mình.

Tại khoản 1, khoản 2, Điều 626. Quyền của người lập di chúc.

" Người lập di chúc có quyền sau đây: 1. Chỉ định người thừa kế; truất quyền hưởng di sản của người thừa kế. 2. Phân định phần di sản cho từng người thừa kế".

Tại Điều 630. Di chúc hợp pháp.

" 1. Di chúc hợp pháp phải có đủ các điều kiện sau đây: a) Người lập di chúc minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc, không bị lừa dối, đe doạ, cưỡng ép; b) Nội dung của di chúc không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức di chúc không trái quy định của luật.

2. Di chúc của người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi phải được lập thành văn bản và phải được cha, mẹ hoặc người giám hộ đồng ý về việc lập di chúc.

3. Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ phải được người làm chứng lập thành văn bản và có công chứng hoặc chứng thực.

4. Di chúc bằng văn bản không có công chứng, chứng thực chỉ được coi là hợp pháp, nếu có đủ các điều kiện được quy định tại khoản 1 Điều này".

Như vậy, pháp luật đề cao quyền tự định đoạt của người lập di chúc. Giấy khám sức khoẻ của cơ sở y tế là căn cứ chứng minh cho người lập di chúc minh mẫn, sáng suốt nhưng không bắt buộc phải có giấy khám sức khoẻ để làm chứng cho việc người lập di chúc minh mẫn, sáng suốt.

Thứ hai: Di chúc được sửa đổi nhiều lần thể hiện sự minh mẫn, sáng suốt của ông S2. Việc ông S2 lập di chúc, sửa đổi di chúc nhiều lần, và mỗi lần sửa đổi ông S2 đều đưa ra lý do sửa, phù hợp với những sự kiện xảy ra trên thực tế. Năm 2012, khi ông S2 tức giận vì bà B, bà Y tuyên bố từ cha. Bà B cũng không phụng dưỡng, chăm sóc ông S2, còn tuyên bố từ cha nên ông S2 mới sửa di chúc truất quyền thừa kế của bà B cho ông D, phần của bà Y cho ông T1. Năm 2013, khi ông D về nhà ông T1, bà P và có hành vi tự ý tìm di chúc, giấy tờ đất khiến ông S2 tức giận và để yên tâm, ông S2 mới sửa di chúc truất quyền thừa kế của ông D. Điều đó chứng minh việc lập di chúc là đúng với ý chí, mong muốn, nguyện vọng của ông S2 lúc còn sống. Đại diện Viện Kiểm sát đưa quan điểm không có số hiệu trong giấy khám sức khoẻ ông S2 minh mẫn năm 2009 nhưng năm 2012, ông S2 vẫn sửa đổi di chúc, năm 2013, ông S2 lại tiếp tục sửa đổi di chúc. Điều đó chứng tỏ nếu năm 2009 ông S2 không minh mẫn thì những năm sau ông S2 có sửa đổi di chúc không. Vì tài sản ông S2 lập di chúc là của ông S2. Ông S2 đã phải dặn dò bà P, đã phải lập di chúc để yên tâm ra đi. Nội dung Di chúc chính là mong muốn, nguyện vọng chính đáng của ông S2. Thực tế về mối quan hệ giữa ông S2 với nguyên đơn cũng rõ ràng như vậy trên qua lời khai nhận của nguyên đơn ông S2 truất quyền thừa kế của nguyên đơn và một số người liên quan đều do lý do bất hiếu với ông S2. Nếu bị ép buộc, lừa dối nếu không minh mẫn, sáng suốt thì ông S2 không thể phân chia từng phần cho từng người rõ ràng về vị trí như trong di chúc thể hiện. Và nội dung di chúc, lý do sửa đổi di chúc hoàn toàn phù hợp với những vấn đề phát sinh giữa ông S2 và những người ông truất quyền khi còn sống. Những người con từ cha, không phụng dưỡng cha và chính cha ruột phải đi làm thủ tục truất quyền thừa kế trong uất ức chết trong buồn tủi vì những người con ruột của mình thì liệu họ có xứng đáng được pháp luật bảo vệ để chia tài sản hay không.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm phát sinh tình tiết mới là trong hồ sơ lập di chúc của cụ S1 có giấy khám sức khỏe của cụ S1 nhưng giấy khám sức khỏe này không có số ngày, tháng, năm để khám sức khỏe; cụ S1 cũng không ký, điểm chỉ vào giấy khám sức khỏe. Tòa án cấp sơ thẩm không đề nghị Trung tâm giám định y khoa pháp y thuộc Sở y tế tỉnh B cung cấp hồ sơ khám sức khỏe của cụ S1. Hơn nữa, giấy khám sức khỏe này không có chữ ký của người có thẩm quyền và dấu dùng để đóng nhằm xác định cơ quan có thẩm quyền cấp giấy là Bệnh viện đa khoa tỉnh B chứ không phải là Trung tâm giám định y khoa, pháp y

thuộc Sở y tế. Xét thấy, giấy khám sức khỏe này là chứng cứ quan trọng để xác định tính hợp pháp của bản di chúc nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ và tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh B; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thanh H, ông Trần Thanh O, ông Trần Thanh D, bà Trần Thị Thanh Y, hủy bản án dân sự sơ thẩm thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm để xét xử lại.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Trần Thanh C, ông Trần Thanh O, ông Trần Thanh D, bà Dương Thị K, bà Huỳnh Thị Thanh D1, người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân thị trấn P và người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện P tất cả đều có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự có tên nêu trên.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Nguyên đơn bà Trần Thị Thanh B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên vô hiệu Di chúc do cụ Trần Thanh S1 lập ngày 27/10/2009, được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 27/10/2009; Văn bản về việc thay đổi, bổ sung di chúc cho cụ Trần Thanh S1 lập ngày 17/7/2012, được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 17/7/2012; Văn bản về việc thay đổi, bổ sung di chúc cho cụ Trần Thanh S1 lập ngày 01/4/2013, được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 01/4/2013; Văn bản thay đổi di chúc do cụ Trần Thanh S1 lập ngày 06/4/2013, được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 08/4/2013.

- Yêu cầu hủy cập nhật biến động quyền sử dụng đất ngày 10/11/2014 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện P, tỉnh Bình Dương đối với thửa đất số 149, tờ bản đồ số 45, diện tích 6.059m^2, đo đạc thực tế có diện tích là 6.456,3m^2 tọa lạc tại khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương.

- Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng đất có diện tích 6.059m^2, đo đạc thực tế có diện tích là 6.456,3m^2, thuộc thửa đất số 149, tờ bản đồ số 45, tọa lạc tại khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương; trường hợp diện tích đất không đủ điều kiện tách thửa thì công nhận quyền sử dụng chung cho các đồng thừa kế đối với diện tích đất trên.

[2.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh C có yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án giải quyết: Công nhận Di chúc do cụ Trần Thanh S1 lập ngày 27/10/2009, được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 27/10/2009;

Văn bản về việc thay đổi, bổ sung di chúc do cụ Trần Thanh S1 lập ngày 17/7/2012, được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 17/7/2012; Văn bản về việc thay đổi, bổ sung di chúc do cụ Trần Thanh S1 lập ngày 06/4/2013, được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 08/4/2013.

[2.3] Bị đơn ông Trần Thanh T1, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị P, chị Trần Thị Thanh T3 và chị Trần Thị Thanh T4 không đồng ý trước toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng tại thời điểm lập di chúc, ông S1 không bị hạn chế về thể chất, còn minh mẫn, sáng suốt, ông S1 biết chữ, việc lập di chúc của ông S1 đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh C, bị đơn ông Trần Thanh T1, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị P, chị Trần Thị Thanh T3 và chị Trần Thị Thanh T4 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Trần Thanh C.

[2.4] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thanh P1, ông Trần Thanh O, ông Trần Thanh D, ông Trần Thanh S, bà Trần Thị Thanh H và bà Trần Thị Thanh Y thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh B, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh C.

[3] Về hàng thừa kế: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều trình bày thống nhất: Cụ Trần Thanh S1 chết năm 2013 và cụ Lưu Hà H1 chết năm 1990 có tất cả 09 người con gồm: Bà Trần Thị Thanh P1, bà Trần Thị Thanh H, ông Trần Thanh O, ông Trần Thanh D, ông Trần Thanh S, ông Trần Thanh C, bà Trần Thị Thanh B, bà Trần Thị Thanh Y và ông Trần Thanh T1. Tất cả các người con của cụ S1 và cụ H1 đều còn sống. Ngoài 09 người con trên, cụ S1 và cụ H1 không có con riêng, con nuôi hay con ngoài giá thú. Cha mẹ của cụ S1 và cụ H1 đã chết trước cụ S1 và cụ H1. Căn cứ vào Điều 635 của Bộ luật Dân sự năm 2005, người thừa kế thuộc hàng thứ nhất của cụ S1 và cụ H1 gồm có: Bà Trần Thị Thanh B, ông Trần Thanh T1, bà Trần Thị Thanh P1, ông Trần Thanh O, bà Trần Thị Thanh H, ông Trần Thanh D, ông Trần Thanh S, ông Trần Thanh C và bà Trần Thị Thanh Y.

[4] Về di sản thừa kế: Tại cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm, các đương sự đều thống nhất xác định: Lúc sinh thời, cụ Trần Thanh S1 và cụ Lưu Hà H1 tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất có diện tích 6.059m^2, đo đạc thực tế có diện tích là 6.456,3m^2, thuộc thửa đất số 149, tờ bản đồ số 45, tọa lạc tại khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương, đã được Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 525383, số vào sổ H03139 cho cụ Trần Thanh S1 vào ngày 29/12/2006; trên đất có căn nhà của cụ S1 xây dựng có diện tích 82m^2. Căn cứ vào Điều 634 của Bộ luật Dân sự năm 2005, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, có cơ sở xác định di sản thừa kế của cụ S1 và cụ H1 để lại là quyền sử dụng đất có diện tích 6.059m^2, đo đạc thực tế có diện tích 6.456,3m^2 và căn nhà gắn liền trên đất có diện tích 82m^2 thuộc thửa đất số 149, tờ bản đồ số 45, tọa lạc tại khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương.

[4.1] Trước khi chết, cụ Trần Thanh S1 có lập di chúc và các văn bản về việc thay đổi, bổ sung di chúc, cụ thể như sau:

[4.1.1] Di chúc lập ngày 27/10/2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 27/10/2009; số chứng thực 13, quyển số 01/2009 TP/CC-SCT/HĐGD. Di chúc có nội dung: Tài sản thừa kế là quyền sử dụng thửa đất số 149, tờ bản đồ 45, diện tích 6.059m^2, (trong đó có 200m^2 đất ở đô thị; 5.859m^2 đất LNK) tọa lạc tại khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Những người thừa kế gồm: Bà Trần Thị Thanh P1, ông Trần Thanh O, ông Trần Thanh C, bà Trần Thị Thanh B, bà Trần Thị Thanh Y, ông Trần Thanh T1 mỗi người được hưởng phần đất có chiều ngang 05m, dài 40m (có sơ đồ minh hoạ kèm theo di chúc); ông Trần Thanh D, ông Trần Thanh S mỗi người được hưởng phần đất có chiều ngang 08m, dài 40m (có sơ đồ minh họa kèm theo di chúc); bà Trần Thị Thanh H được hưởng phần đất có chiều ngang 11m, dài 40m (có sơ đồ minh họa kèm theo di chúc); chị Trần Thị Thanh T3, chị Trần Thị Thanh T4 được hưởng phần đất có căn nhà 100m^2 (có sơ đồ minh họa kèm theo di chúc); phần đất còn lại giao cho vợ chồng ông Trần Thanh T1 và bà Phạm Thị P quản lý sử dụng và được quyền bán một phần để lo ma chay khi cụ S1 qua đời, phần còn lại dùng để ở và làm nơi thờ tự ông bà (có sơ đồ kèm theo) …

[4.1.2] Văn bản về việc thay đổi, bổ sung di chúc lập ngày 17/7/2012 tại khu phố C, thị trấn P, được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 17/7/2012; số chứng thực: 17, quyển số 01/2012 TP/CC-SCT/HĐGD. Văn bản có nội dung: *"...Sau thời gian lập di chúc, tôi nhận thấy con tôi có vài đứa không có hiếu, vì vậy tôi truất quyền thừa kế của Trần Thị Thanh B và Trần Thị Thanh Y. Phần đất chia cho Trần Thị Thanh B nay để lại cho Trần Thanh D thừa kế. Phần đất chia cho Trần Thị Thanh Y nay để lại cho Trần Thanh T1 và giao cho Trần Thanh T1 thừa kế luôn phần đất dự định bán khi tôi qua đời và phần đất dự định bán khi tôi còn sống...."*

[4.1.3] Văn bản về việc thay đổi, bổ sung di chúc lập ngày 01/4/2013 tại khu phố C, thị trấn P, được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 01/4/2013; số chứng thực: 07, quyển số 01/2013 TP/CC-SCT/HĐGD. Văn bản có nội dung truất quyền thừa kế của ông Trần Thanh D, phần của ông Trần Thanh D giao cho bà Phạm Thị P.

[4.1.4] Văn bản về việc thay đổi di chúc lập ngày 06/4/2013 tại nhà số F, tổ E, khu phố C, thị trấn P, được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 08/4/2013; số chứng thực: 17, quyển số 01/2013 TP/CC-SCT/HĐGD. Văn bản có nội dung truất quyền thừa kế của ông Trần Thanh D, phần của ông Trần Thanh D giao cho bà Phạm Thị P.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, nhận thấy:

[5.1] Xét về hình thức của các di chúc: Theo Phiếu khám sức khỏe của cụ Trần Thanh S1 do Trung tâm giám định y khoa – Bệnh viện đa khoa tỉnh B cấp ngày 09/10/2009 (bút lục 213) thì tại phần khám Mắt ghi nhận cụ S1 bị *"đục thủy tinh thể 02 mắt"* và kết luận của bác sĩ là *"không nhìn thấy"*. Giấy khám sức khỏe này không có số ngày, tháng, năm tiến hành khám sức khỏe; cụ S1 cũng không

ký, điểm chỉ vào giấy khám sức khỏe. Hơn nữa, Giấy khám sức khỏe này không có chữ ký của người có thẩm quyền và con dấu của cơ quan có thẩm quyền cấp chứng nhận giấy. Đồng thời, các di chúc trên chỉ có dấu lăn tay của cụ S1, không có chữ ký, chữ viết ghi họ và tên của cụ S1, trong khi đó, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện bị đơn bà P và chị T3 đều cho rằng cụ S1 biết đọc và biết viết. Căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 658 của Bộ luật Dân sự năm 2005 (đang có hiệu lực tại thời điểm cụ S1 lập di chúc) quy định: *"Trường hợp người lập di chúc không đọc được bản di chúc thì phải nhờ người làm chứng và người này phải ký xác nhận trước mặt công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn. Công chứng viên, người có thẩm quyền chứng thực của ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chứng nhận bản di chúc trước mặt người lập di chúc và người làm chứng"*. Ngoài ra, căn cứ Điều 8 Nghị định 75/2000/NĐ-CP của Chính phủ về Công chứng, chứng thực quy định về người làm chứng thì: *"Trường hợp pháp luật quy định việc công chứng, chứng thực phải có người làm chứng hoặc trong trường hợp pháp luật không quy định phải có người làm chứng, nhưng người yêu cầu công chứng, chứng thực không đọc, không nghe, không ký hoặc không điểm chỉ được, thì phải có người làm chứng"*. Tuy nhiên, tại Di chúc ngày 27/10/2009 do cụ S1 lập, được Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương chứng thực ngày 27/10/2009; Văn bản về việc thay đổi, bổ sung di chúc ngày 17/7/2012 do Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 17/7/2012; Văn bản thay đổi di chúc ngày 06/4/2013 do Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 08/4/2013 không thể hiện người có thẩm quyền chứng thực là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn P có ghi nhận chứng thực việc cụ S1 *"không nhìn thấy"* và cũng không có người làm chứng theo quy định của pháp luật đã viện dẫn nêu trên. Ngoài ra, căn cứ khoản 1, Điều 9 Nghị định 75/2000/NĐ-CP của Chính phủ về Công chứng, chứng thực quy định về địa điểm công chứng, chứng thực thì: *"Việc công chứng, chứng thực được thực hiện tại trụ sở của cơ quan nhà nước có thẩm quyền công chứng, chứng thực, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 50"* (trường hợp lập di chúc của cụ S1 không thuộc khoản 2, Điều 50 của Nghị đình này). Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 658 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về thủ tục lập di chúc tại cơ quan công chứng hoặc ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thì: *"Người lập di chúc tuyên bố nội dung của di chúc trước công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn. Công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực phải ghi chép lại nội dung mà người lập di chúc đã tuyên bố. Người lập di chúc ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc sau khi xác nhận bản di chúc đã được ghi chép chính xác và thể hiện đúng ý chí của mình. Công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn ký vào bản di chúc"*. Tuy nhiên, tại Văn bản về việc thay đổi, bổ sung di chúc ngày 17/7/2012 do Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 17/7/2012; Văn bản thay đổi di chúc ngày 06/4/2013 do Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 08/4/2013 thể hiện việc lập 02 văn bản thay đổi di chúc này là lập tại nhà 60/23, tổ E, khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương nhưng lại được người có thẩm quyền chứng thực là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực tại Ủy ban nhân dân thị trấn P. Trong trường hợp này, thủ tục lập di chúc tại ủy ban

nhân dân xã, phường, thị trấn quy định tại Điều 658 của Bộ luật Dân sự năm 2005 không cho phép người có thẩm quyền chứng thực, chứng thực đến tại nhà để lập di chúc cho cụ S1 và cũng không có chứng cứ, tài liệu nào chứng minh rằng người có thẩm quyền chứng thực là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn P khi chứng thực Văn bản về việc thay đổi, bổ sung di chúc ngày 17/7/2012; Văn bản thay đổi di chúc ngày 06/4/2013 có mặt tại nhà cụ S1 để kiểm tra năng thực hành vi dân sự, thể chất của cụ S1 như lời chứng thực của 02 văn bản này. Hơn nữa, Văn bản thay đổi di chúc ngày 06/4/2013 được lập tại nhà số F, tổ E, khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương vào ngày 06/4/2023 nhưng 02 ngày sau tức là ngày 08/4/2023 thì mới được người có thẩm quyền chứng thực là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực vào Văn bản.

[5.2] Xét về nội dung của di chúc: Các đương sự đều thống nhất xác định nhà và đất đang tranh chấp là tài sản chung do vợch ồng cụ S1 và cụ H1 tạo lập, cụ H1 chết năm 1990, cụ S1 chết năm 2013. Thời điểm cụ H1 chết thì ½ tài sản trên trở thành di sản của cụ H1, các thừa kế của cụ H1 chưa tiến hành phân chia, cũng như chưa có văn bản thỏa thuận giao hết cho cụ S1 được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt. Thế nhưng, năm 2009, cụ S1 đã lập di chúc và năm 2012, năm 2013 lập các Văn bản sửa đổi, bổ sung di chúc đã định đoạt luôn cả phần di sản do cụ H1 để lại là trái quy định của pháp luật vi phạm điểm b khoản 1 Điều 652 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 652 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về di chúc hợp pháp thì: *"Người lập di chúc minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc; không bị lừa dối, đe doạ hoặc cưỡng ép; Nội dung di chúc không trái pháp luật, đạo đức xã hội; hình thức di chúc không trái quy định của pháp luật"*. Như vậy, theo nội dung phân tích nêu trên thì hình thức di chúc là trái pháp luật (không có người làm chứng), không biết được người lập di chúc có minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc cũng như các văn bản thay đổi di chúc hay không; không biết được người lập di chúc có không bị lừa dối hoặc cưỡng ép khi lập văn bản thay đổi di chúc hay không do tại thời điểm này cụ S1 lớn tuổi, bác sỹ đã kết luận là mắt "không nhìn thấy". Đồng thời, nội dung di chúc đã định đoạt luôn cả phần di sản do cụ H1 để lại. Do đó, Di chúc ngày 27/10/2009, được Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương chứng thực ngày 27/10/2009; Văn bản về việc thay đổi, bổ sung di chúc ngày 17/7/2012, được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 17/7/2012; Văn bản thay đổi di chúc ngày 06/4/2013, được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 08/4/2013 là không hợp pháp. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên vô hiệu đối với Di chúc ngày 27/10/2009, được Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương chứng thực ngày 27/10/2009; Văn bản về việc thay đổi, bổ sung di chúc ngày 17/7/2012, được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 17/7/2012; Văn bản thay đổi di chúc ngày 06/4/2013, được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 08/4/2013; chia di sản thừa kế là diện tích đất theo kết quả đo đạc thực tế 6.456,3m^2 thuộc các thửa đất số 149, 341, 342, 343, 344, 345, 346, 347, 348, tờ bản đồ số 45 tại tọa lạc tại khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình

Dương cho các đồng thừa kế. Tuy nhiên, do diện tích đất trên không đủ điều kiện tách thửa, trên đất hiện có nhà của cụ S1 do ông T1 đang quản lý, sử dụng, các đương sự không yêu cầu phân chia giá trị và đồng ý cho bị đơn được sở hữu nên cần chia cho ông T1 phần đất gắn liền với căn nhà của cụ S1, ông T1 có trách nhiệm bồi hoàn giá trị kỷ phần thừa kế chênh lệch so với kỷ phần được nhận bằng giá trị cho các đồng thừa kế khác. Trước khi phân chia, cần tính công sức đóng góp cho ông T1 là 30% giá trị di sản do ông T1 có công chăm sóc cụ S1 đến khi qua đời; đồng thời đã quản lý, sử dụng đất hơn 10 năm theo tinh thần của Án lệ số số 05/2016/AL ngày 06/4/2016 của Tòa án nhân dân tối cao.

[5.3] Theo Biên bản định giá ngày 05/01/2025, Hội đồng định giá xác định: đất ở đô thị trị giá 950.000 đồng/m^2 x 200m^2 = 190.000.000 đồng; đất trồng cây lâu năm trị giá 125.000 đồng/m^2 x 6.256,3m^2 = 782.037.500 đồng; trích 30% công sức đóng góp cho ông T1 tương đương với số tiền 291.611.250 đồng, giá trị di sản còn lại là 680.426.250 đồng chia cho 09 đồng thừa kế, mỗi kỷ phần được hưởng là 75.602.916 đồng. Tổng giá trị di sản ông T1 được chia (291.611.250 đồng + 75.602.916 đồng) = 367.214.166 đồng.

- Giao cho bà Trần Thị Thanh B, bà Trần Thị Thanh P1, ông Trần Thanh O, bà Trần Thị Thanh H, ông Trần Thanh D, ông Trần Thanh S, ông Trần Thanh C và bà Trần Thị Thanh Y cùng quản lý, sử dụng chung phần đất có diện tích 2.861,9m^2 (trong đó có 100m^2 đất ở đô thị và 2.661,9m^2 đất trồng cây lâu năm, bao gồm các thửa 341, 149, 343, 345, 344, 346, 342) được sở hữu căn nhà có diện tích 62m^2; hàng rào có diện tích 115m^2, toàn bộ công trình xây dựng và cây trồng gắn liền trên đất tương đương với số tiền 440.237.500 đồng. Bà Trần Thị Thanh B, bà Trần Thị Thanh P1, ông Trần Thanh O, bà Trần Thị Thanh H, ông Trần Thanh D, ông Trần Thanh S, ông Trần Thanh C và bà Trần Thị Thanh Y có trách nhiệm bồi hoàn giá trị hàng rào cho ông T1 và bà P với tổng số tiền là 59.800.000 đồng.

- Giao cho ông Trần Thanh T1 được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 3.594,4m^2 (thuộc thửa 347 và thửa 348, trong đó có 100m^2 đất ở đô thị và 3.494,4m^2 đất trồng cây lâu năm) tương đương với số tiền 531.800.000 đồng. Ông T1 có trách nhiệm bồi hoàn giá trị chênh lệch cho bà Trần Thị Thanh B, bà Trần Thị Thanh P1, ông Trần Thanh O, bà Trần Thị Thanh H, ông Trần Thanh D, ông Trần Thanh S, ông Trần Thanh C và bà Trần Thị Thanh Y với tổng số tiền 164.585.834 đồng.

[6] Các di chúc do cụ S1 lập bị tuyên vô hiệu như đã phân tích tại mục [5] trên nên cần kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà P, ông T1, bà T3, bà T4, bà D1 và bà K để cấp lại cho các đương sự theo nội dung đã phân chia trên. Đồng thời, nhằm giải quyết vụ án một cách triệt để, cần tuyên buộc bà Trần Thị Thanh B, bà Trần Thị Thanh P1, ông Trần Thanh O, bà Trần Thị Thanh H, ông Trần Thanh D, ông Trần Thanh S, ông Trần Thanh C và bà Trần Thị Thanh Y có trách nhiệm bồi hoàn cho bà K giá trị căn nhà gắn liền trên diện tích đất, bà K có trách nhiệm giao nhà có diện tích 62m^2 và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất có diện tích 200m^2 thuộc thửa số 344 đã

chia cho các ông bà này; bà Huỳnh Thị Thanh D1 có trách nhiệm giao phần đất có diện tích 200m^2 thuộc thửa số 342 cho bà Trần Thị Thanh B, bà Trần Thị Thanh P1, ông Trần Thanh O, bà Trần Thị Thanh H, ông Trần Thanh D, ông Trần Thanh S, ông Trần Thanh C và bà Trần Thị Thanh Y đã được phân chia trên. Riêng bà D1 không có yêu cầu gì đối với ông O nên không đặt ra xem xét. Đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/10/2020 đã ký giữa ông O với bà D1; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 16/7/2018 đã ký giữa ông T1 với bà K nếu có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh C yêu cầu Tòa án công nhận Di chúc do cụ Trần Thanh S1 lập ngày 27/10/2009; Văn bản về việc thay đổi, bổ sung di chúc do cụ Trần Thanh S1 lập ngày 17/7/2012 và Văn bản về việc thay đổi di chúc do cụ Trần Thanh S1 lập ngày 06/4/2013 là hợp pháp. Như đã phân tích tại mục [5] trên, các di chúc do cụ S1 lập bị vô hiệu nên cũng không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu độc lập trên của ông C.

Từ những phân tích trên, kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh B, bà Trần Thị Thanh H, ông Trần Thanh O, ông Trần Thanh D, bà Trần Thị Thanh Y là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là có căn cứ chấp nhận một phần.

[9] Về chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí có giá ngạch tính trên giá trị kỷ phần được chia theo quy định của pháp luật. Riêng bà B, bà P1, bà H, ông O, ông D, ông S, ông C, bà Y đều trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 652 và Điều 658 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 610, 612, 613, 630, 649, 650, 651 và Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh B; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thanh H, ông Trần Thanh O, ông Trần

Thanh D, bà Trần Thị Thanh Y.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2024/DS-ST ngày 06/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương như sau:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh B đối với bị đơn ông Trần Thanh T1 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu hủy đăng ký biến động quyền sử dụng đất, yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu".

1.2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh C.

1.2.1. Tuyên bố các Di chúc do cụ Trần Thanh S1 lập ngày 27/10/2009 được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 27/10/2009; số chứng thực: 13, quyển số 01/2009 TP/CC-SCT/HĐGD; Văn bản về việc thay đổi, bổ sung di chúc do cụ Trần Thanh S1 lập ngày 17/7/2012, được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực ngày 17/7/2012; số chứng thực: 17, quyển số 01/2012 TP/CC-SCT/HĐGD; Văn bản về việc thay đổi di chúc do cụ Trần Thanh S1 lập ngày 06/4/2013, được Ủy ban nhân dân thị trấn P, chứng thực ngày 08/4/2013; số chứng thực: 17, quyển số 01/2013 TP/CC-SCT/HĐGD là vô hiệu.

1.2.2. Chia di sản thừa kế là phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 6.456,3m^2 thuộc các thửa đất số 149, 341, 342, 343, 344, 345, 346, 347, 348, tờ bản đồ số 45 tại tọa lạc tại khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương như sau:

- Giao cho bà Trần Thị Thanh B, bà Trần Thị Thanh P1, ông Trần Thanh O, bà Trần Thị Thanh H, ông Trần Thanh D, ông Trần Thanh S, ông Trần Thanh C và bà Trần Thị Thanh Y cùng quản lý, sử dụng chung phần đất có diện tích 2.861,9m^2 (bao gồm các thửa 341, 149, 343, 345, 344, 346, 342); được sở hữu căn nhà có diện tích 62m^2 và toàn bộ công trình xây dựng là hàng rào có diện tích 115m^2, cây trồng gắn liền trên đất (có ký hiệu khu A trên sơ đồ bản vẽ kèm theo).

- Giao cho ông Trần Thanh T1 được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 3.594,4m^2 (thuộc thửa 347 và thửa 348, trong đó có 100m^2 đất ở đô thị và 3.494,4m^2 đất cây lâu năm) được sở hữu căn nhà có diện tích 82m^2; toàn bộ công trình xây dựng và cây trồng gắn liền trên đất (có ký hiệu khu B trên sơ đồ bản vẽ kèm theo).

- Ông Trần Thanh T1 có trách nhiệm bồi hoàn giá trị chênh lệch cho bà Trần Thị Thanh B, bà Trần Thị Thanh P1, ông Trần Thanh O, bà Trần Thị Thanh H, ông Trần Thanh D, ông Trần Thanh S, ông Trần Thanh C và bà Trần Thị Thanh Y với tổng số tiền 164.585.834 đồng (một trăm sáu mươi bốn triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi bốn đồng).

- Bà Trần Thị Thanh B, bà Trần Thị Thanh P1, ông Trần Thanh O, bà Trần Thị Thanh H, ông Trần Thanh D, ông Trần Thanh S, ông Trần Thanh C và bà Trần Thị Thanh Y có trách nhiệm bồi hoàn giá trị hàng rào cho ông Trần Thanh T1 và bà Phạm Thị P với tổng số tiền là 59.800.000 đồng (năm mơi chín triệu tám trăm nghìn đồng).

- Bà Trần Thị Thanh B, bà Trần Thị Thanh P1, ông Trần Thanh O, bà Trần Thị Thanh H, ông Trần Thanh D, ông Trần Thanh S, ông Trần Thanh C và bà Trần Thị Thanh Y có trách nhiệm liên đới bồi hoàn cho bà Dương Thị K số tiền 76.260.000 đồng (bảy mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Bà Dương Thị K có trách nhiệm giao căn nhà có diện tích 62m^2 và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất có diện tích 200m^2 thuộc thửa số 344 cho bà Trần Thị Thanh B, bà Trần Thị Thanh P1, ông Trần Thanh O, bà Trần Thị Thanh H, ông Trần Thanh D, ông Trần Thanh S, ông Trần Thanh C và bà Trần Thị Thanh Y đã được phân chia trên.

- Bà Huỳnh Thị Thanh D1 có trách nhiệm giao phần đất có diện tích 200m^2 thuộc thửa số 342 cho bà Trần Thị Thanh B, bà Trần Thị Thanh P1, ông Trần Thanh O, bà Trần Thị Thanh H, ông Trần Thanh D, ông Trần Thanh S, ông Trần Thanh C và bà Trần Thị Thanh Y đã được phân chia trên.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì hàng tháng còn phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 113157 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 03535 ngày 05/11/2014 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho ông Trần Thanh T1, cập nhật biến động sang tên cho bà Dương Thị K ngày 17/8/2018; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 113162 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 03540 ngày 05/11/2014 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho ông Trần Thanh O, cập nhật biến động sang tên cho bà Huỳnh Thị Thanh D1 ngày 28/10/2020; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 113164, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH03541 ngày 05/11/2014 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho bà Trần Thị Thanh T4, bà Trần Thị Thanh T3; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 113163, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH03541 ngày 05/11/2014 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho bà Trần Thị Thanh T3; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 113160, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH03538 ngày 05/11/2014 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho bà Phạm Thị P; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 113161, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 035339 ngày 05/11/2014 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho bà Phạm Thị P; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 113158, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH03536 ngày 05/11/2014 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho ông Trần Thanh T1; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 113159, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH03537 ngày 05/11/2014 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho ông Trần Thanh T1, bà Phạm Thị P; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 113156, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH03534 ngày 05/11/2014 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho

ông Trần Thanh T1 để cấp lại cho các đương sự theo nội dung của phần quyết định này.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ tự liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký xin cấp giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản: Tổng số tiền là 5.492.000 đồng (năm triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn đồng), nguyên đơn bà Trần Thị Thanh B phải chịu số tiền 2.746.000 đồng (hai triệu bảy trăm bốn mươi sáu nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp; bị đơn ông Trần Thanh T1 phải nộp số tiền là 2.746.000 đồng (hai triệu bảy trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) để hoàn trả cho nguyên đơn đã nộp tạm ứng tại Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Thanh T1 phải chịu số tiền 18.360.708 đồng (mười tám triệu ba trăm sáu mươi nghìn bảy trăm lẻ tám đồng).

- Bà Trần Thị Thanh B, bà Trần Thị Thanh P1, ông Trần Thanh O, bà Trần Thị Thanh H, ông Trần Thanh D, ông Trần Thanh S, ông Trần Thanh C và bà Trần Thị Thanh Y được miễn án phí.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Trần Thị Thanh B, ông Trần Thanh O, bà Trần Thị Thanh H, ông Trần Thanh D và bà Trần Thị Thanh Y được miễn án phí.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND huyện P;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Thị Thanh Tuyền